

B NG ã I M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35CCĐ1 N h c : 2013-2014 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 132017302101 - Thi t k X y d ng C ng H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñ I M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ñ I M THI	QUY TS : 70%	ñ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3571010767	35CCĐ1	Nguy n Minh	C nh	06/11/1993	5.0						5.0	1.5	7.0	4.9	6.4	
2	3571010779	35CCĐ1	L ² H ng	C ng	29/03/1992	5.0						5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	N HP
3	3571010741	35CCĐ1	L ² ã c	C ng	27/07/1992	6.0						6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
4	3571010257	35CCĐ1	Ph ã ng Th Kim	Chi	17/09/1993	6.0						6.0	1.8	7.0	4.9	6.7	N HP
5	3571010650	35CCĐ1	Nguy n V ã	Chi n	25/01/1991	6.0						6.0	1.8	1.0	0.7	2.5	N HP
6	3571010654	35CCĐ1	L ² Vĩ t	Đ i g	17/07/1992	5.0						5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
7	3571011174	35CCĐ1	V H ã	ñ o	19/06/1993	4.0						4.0	1.2	5.0	3.5	4.7	
8	3571010088	35CCĐ1	Nguy n V ã	ñ c	02/09/1991	6.0						6.0	1.8	3.5	2.5	4.3	
9	3571010783	35CCĐ1	Ph m Vĩ t	ñ c	24/08/1993	6.0						6.0	1.8	1.0	0.7	2.5	
10	3571010251	35CCĐ1	Nguy n Huy	H i	28/07/1993	5.0						5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	N HP
11	3571010775	35CCĐ1	ñ ng Ph ¾	H nh	09/12/1992	8.0						8.0	2.4	6.5	4.6	7.0	
12	3571010748	35CCĐ1	ñ ¾ Ph ¾	Hi p	11/03/1993	6.0						6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	N HP
13	3571010769	35CCĐ1	Nguy n V ã	Hoàng	06/11/1993	4.0						4.0	1.2	2.0	1.4	2.6	N HP
14	3571010644	35CCĐ1	V H O	Hoàng	20/09/1993	5.0						5.0	1.5	3.5	2.5	4.0	
15	3571010773	35CCĐ1	Nguy n Ph c	Hùng	29/12/1993	5.0						5.0	1.5	3.0	2.1	3.6	N HP
16	3571010651	35CCĐ1	Nguy n	H ng	25/05/1993	6.0						6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	
17	3571010788	35CCĐ1	Nguy n H u	H ng	29/06/1993	0.0						0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
18	3571010656	35CCĐ1	Nguy n H o ã V H O	Kha	31/08/1993	6.0						6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	N HP
19	3571010750	35CCĐ1	Tr n H Tr ng	Kha	01/10/1993	6.0						6.0	1.8	3.0	2.1	3.9	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CCĐ1 N ấ m h c : 2013-2014 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 132017302101 - Thi t k X ấ y d ấ ng C ấ ng H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H V ấ T c N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3571010252	35CCĐ1	Nguy n Ng c	Kh ng	09/01/1992	6.0						6.0	1.8	7.5	5.3	7.1	
21	3571010762	35CCĐ1	Ph m T n	L c	28/06/1993	6.0						6.0	1.8	4.5	3.2	5.0	N HP
22	3571010754	35CCĐ1	Lê Hoài	Nam	07/04/1993	5.0						5.0	1.5	6.5	4.6	6.1	
23	3571010751	35CCĐ1	Lê Xuân	Nguyễn	12/11/1993	5.0						5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	N HP
24	3571010645	35CCĐ1	Nguy n Ng c	Nh t	21/09/1993	5.0						5.0	1.5	5.5	3.9	5.4	
25	3571010647	35CCĐ1	Tr n Trung	Nh t	20/10/1993	6.0						6.0	1.8	7.5	5.3	7.1	N HP
26	3571010668	35CCĐ1	H Qu c	Ph ng	20/09/1993	6.0						6.0	1.8	2.0	1.4	3.2	
27	3571010785	35CCĐ1	Nguy n Ng c	Quân	14/04/1993	5.0						5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	N HP
28	3571010643	35CCĐ1	Nguy n H ng	S n	02/10/1993	6.0						6.0	1.8	4.5	3.2	5.0	N HP
29	3571010758	35CCĐ1	Nguy n T n	Tài	01/09/1993	5.0						5.0	1.5	5.5	3.9	5.4	
30	3371010411	35CCĐ1	Nguy n Vi t	Tài	29/10/1990	7.0						7.0	2.1	2.0	1.4	3.5	N HP
31	3571010793	35CCĐ1	D ng Th ấ nh	Tâm	18/11/1993	7.0						7.0	2.1	8.5	6.0	8.1	
32	3571010738	35CCĐ1	Ph m Minh	Tân	27/07/1993	7.0						7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
33	3571010657	35CCĐ1	Tr n V ấ n	Tân	08/08/1993	5.0						5.0	1.5	5.5	3.9	5.4	N HP
34	3571010255	35CCĐ1	Tr n Thanh	Tùng	11/01/1993	4.0						4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
35	3571010766	35CCĐ1	Ki u Thi t	T ng	14/10/1993	6.0						6.0	1.8	3.0	2.1	3.9	N HP
36	3571010781	35CCĐ1	ấ Ti n	Thành	16/04/1992	5.0						5.0	1.5	2.0	1.4	2.9	N HP
37	3571011158	35CCĐ1	Lê Xuân	Thành	30/04/1992	5.0						5.0	1.5	6.0	4.2	5.7	
38	3571010789	35CCĐ1	Tr n M nh	Th ng	08/12/1992	6.0						6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	N HP

B NG ã I M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35CCĐ1 N h c : 2013-2014 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 132017302101 - Thi t k X y d ng C ng H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ñ I M THI	QUY TS : 70%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3571010254	35CCĐ1	Tr n Ho g Thi n	01/12/1992	7.0						7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	N HP
40	3571010660	35CCĐ1	Bùi Thanh V ã	15/01/1993	5.0						5.0	1.5	6.0	4.2	5.7	
41	3571010757	35CCĐ1	ñ Thanh Vĩ t	20/01/1992	5.0						5.0	1.5	1.0	0.7	2.2	N HP
42	3571010659	35CCĐ1	Lê Minh V ng	10/04/1992	4.0						4.0	1.2	5.0	3.5	4.7	N HP
43	3571010746	35CCĐ1	L ² Ng c V ng	20/12/1993	7.0						7.0	2.1	8.5	6.0	8.1	

T ng s : 43 h c sinh sinh vi² n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng Khoa

Gi o Vi² n B M n

Gi o V Khoa